QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 2

THIÊN THỨ NHẤT: QUY CHÁNH (PHẦN II)

- Nguyên Ngụy Thư Thích Lão Chí (bổn đời Minh không có mục lục này) đời Tề soạn, đời Ngụy thu lục.

- Cao Tề thư thuật Phật Chí, tùy trước tác Vương Thiệu.

- Ngụy Thư Thích Lão Chí.

Đại nhân làm quan Ty Mục sinh dân, thâu kết sách trước đây không cho lưu hành. Từ đời Hy Cán về sau đến Tam Đại, dấu vết sách xưa bị nhà Tần đốt. Nhà Hán sưu tầm sách còn sót lại như sách của Sơn, Khưu, vốn khiến cho sáu nhà bảy lượt, họ ban họ Mã phân chia. Người học đạo Phật nghe vua Võ Đế đời Tiền Hán, Nguyên Thú Trung Hoắc hết bệnh được ngọc quý và tượng người vàng cao hơn một trượng, vua cho là Thiên thần, thờ ở cung Cam Tuyền, đốt hương lễ bái. Từ đây Phật đạo dần dần lưu thông và đến biên giới Tây Vức, sai Trương Khiên đi sứ đến Đại Hạ, trở về nói rằng: Nước Thiên Trúc có giáo pháp của Đức Phật. Ai đế nguyên thọ, trung cảnh hiến thọ, Đại Nguyệt Dân Vương Khẩu trao kinh Phù-đồ. Đời Hậu Hán, vua Minh Đế nằm mộng thấy có người thân sắc vàng, ở sau cổ có vầng ánh sáng, bay đến trước điện. Vua ra lệnh đem tượng Phật để trước vua. Sai quan Lang Trung là Thái Âm, Tiến sĩ Tần Cảnh v.v... đến Thiên Trúc viết di tích của Phật. Cùng với Sa-môn Ma Đằng và Trúc Pháp Lan trở về Lạc Dương. Lại thỉnh được kinh "Tứ Thập Nhị Chương" và tượng Đức Phật Thích-ca. Nhà vua bảo vẽ tượng thờ ở đài Thanh Lương và trên lăng Hiểu Tiết. Cất kinh trong thạch thất Lan Đài.

Phù Đồ hoặc gọi là Phật-đà, thanh tướng chuyển. Dịch là Tịnh giác, nghĩa là dứt trừ dơ uế thành đạo sáng suốt là Thánh ngộ. Phàm ý chỉ kinh Phật, đại khái nói về việc sinh tử đều do hành nghiệp mà khởi, có quá khứ, hiện tại, vị lai trải qua ba đời thần thức thường không diệt. Làm việc lành hay việc ác đều có báo ứng, dần dần chứa nhóm các

nghiệp lành, sửa đổi những nghiệp xấu, trải qua vô số kiếp thao luyện thần minh cho đến vô sinh mà thành Phật đạo. Trong đó, ngôi vị thứ lớp tu chứng chẳng phải một, đều từ cạn đến sâu, từ thấp đến cao, nương vào chỗ vi diệu mà trụ, noi theo việc tích chứa lòng nhân, thuận ích ưa muốn, tu tập thanh tịnh mà thành chiếu chung. Vì thế, ban đầu tu tâm thì phải nương Phật, Pháp, Tăng gọi là Tam quy y, như ba úy (ba đều đáng sợ) của người quân tử. Lại có năm giới: Không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, đại ý giống như nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Nếu phụng trì thì được sinh về cõi trời, nếu thiếu và phạm thì bị đọa vào các đường khổ ngạ quỉ, súc sinh v.v... lại thiện ác gồm có sáu đường.

Những vị mặc pháp phục của đạo Phật thì cạo bỏ râu tóc, cắt ái từ thân xuất gia, tìm Thầy vâng theo giới luật, ở chung hòa hợp, sửa đổi tâm tánh tu tịnh hạnh, khất thực để tự sống, gọi là Sa-môn, hoặc gọi là Tăng môn, cũng là thanh tướng cận. Căn nghiệp khác nhau gọi là ba thừa: Thanh văn, Duyên giác và Đại thừa. Do ngôi vị này có thể vận chuyển để đến đạo làm tên.

Thượng căn là tu sáu độ cho đến vạn hạnh. Cứu giúp trải qua thời gian lâu xa, đến được chỗ giác ngộ gọi là Phật.

Đức Bổn sư Thích-ca, Hán dịch là Năng Nhân, nghĩa là đức cao đạo đủ cứu giúp muôn loài, giáng sinh làm con của vua nước Ca-tỳ-la-vệ ở Thiên Trúc. Sinh vào ngày mồng tám tháng tư, từ bên hông phải của mẹ mà sinh ra. Hình tướng khác thường có ba mươi hai tướng tốt, trời hiện điềm lành cũng có ba mươi hai điềm ứng.

Ngày rằm tháng hai nhập Niết-bàn, gọi là diệt độ, có chỗ nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Nói không có sự dời đổi và các sự khổ lụy.

Lại có chư Phật có hai nghĩa:

1- Chân thật: Thể chí cực nhiệm mầu, dứt bặt sự ràng buộc. Không thể dùng nơi chốn, thời gian, chẳng thể dùng hình tướng hạn lượng, có cảm thì có ứng, thể thường vắng lặng.

2- Quyền ứng: Sống chung với sáu đường cùng muôn vật ở đời, sinh diệt tùy thời, tốt xấu ứng vật, hình do cảm sinh thể không thật có. Quyền hình tuy hết nhưng thật thể không thay đổi, chỉ vì thời cơ không diệu cảm nên không được thường thấy mà thôi. Do đây mà biết được Phật sinh không phải thật sinh, diệt không phải thật diệt.

Đức Phật đã nhập diệt dùng gỗ thơm đốt nhục thân, linh cốt phân vụn ra, lớn như hạt lúa, đập không bị vỡ, đốt cũng không cháy, nhưng thấy có ánh sáng linh nghiệm, gọi là xá-lợi. Đệ tử thỉnh về phụng thờ hương hoa chí kính, ngưỡng mộ, lập cung thờ, gọi là tháp, giống như

Tông miếu. Vì thế, lúc bấy giờ gọi là Tháp miếu là do đây.

Sau một trăm năm, có vua A-dục dùng thần lực phân chia xá-lợi Phật. Sai khiến các quỷ thần tạo tám muôn bốn ngàn ngôi tháp, cùng khắp thế giới đều đến cùng một ngày. Nay ở Bành Thành Lạc Dương và Cô Tạng Lâm Truy đều có chùa Dục Vương, bởi theo di tích này. Nhưng các ảnh tích như móng và răng thì để lại Thiên Trúc, người tới lui đều nói là vẫn còn thấy.

Ban đầu nói giáo pháp, sau đều có ghi chép. Nghiệm xét sâu xa không có chỗ nào thiếu sót sai lầm, vì thế ba tạng và mười hai bộ kinh có khác với chín dòng. Gồm nhiếp số nhiều kia chung quy đều dùng ba thừa làm gốc. Sau có các vị La-hán, Bồ-tát kế tiếp nhau soạn luận nói rõ nghĩa kinh. Để phá ngoại đạo, đều nương vào đại nghĩa các tạng bộ, giả lập bên ngoài để hỏi nhưng dùng nội pháp (Phật pháp) để giải thích, giáo pháp truyền đến Trung Quốc dần dần truyền bá rộng ra.

Đời Hán, ban đầu có Sa-môn đều đắp y bằng vải đỏ, sau đổi thành tạp sắc. Còn như lời nói tinh vi, nghĩa ẩn chưa nghiên cứu rõ ràng.

Có Sa-môn ở Thường Sơn Vệ là Đạo An, tánh thức thông minh, một ngày tụng hơn muôn lời, nghiên cứu cầu ý chỉ nhiệm mầu. Bùi ngùi vì không có bậc sư tượng, một mình ngồi trong tịnh thất mười hai năm tư duy thiền quán, tinh thần ngộ được ý chỉ nhiệm mầu sâu xa. Vì trước đây kinh nêu ra phần nhiều có sự lẫn lộn. Chính là chỗ sai lầm ấy. Về sau, Sa-môn truyền pháp, phần nhiều chép ở Trung Nguyên.

Đời Ngụy, Tiên Vương lập nước ở Huyền Sóc, phong tục thuần nhất, thuần nhất với Tây Vức rất tuyệt. Vì thế, giáo pháp của Phật chưa được nghe. Đến thời Nguyên và Ngụy, Tấn khắp tìm kiếm học hỏi. Văn Đế ở Lạc Dương; Chiêu Thành ở Tương Quốc đã nghiên cứu đầy đủ ở Nam Hạ kính thờ Phật pháp. Thái tổ bình định Trung Sơn, trải qua các quận, các nước gặp các vị Sa-môn đều chí thành cung kính, cầm quân lính không được xúc phạm đến Sa-môn. Bấy giờ, có Sa-môn Tăng Lãng ở ẩn với đệ tử trong núi Thái. Vua gởi thư và các vật như lụa trắng, nệm bông, bình bát, tích tượng đến lễ. Nay còn gọi là Lãng Công Cốc.

Niên hiệu Thiên Hưng năm đầu vua hạ chiếu chỉ rằng: Sự hưng thịnh của Phật pháp rất lâu rồi, cứu giúp lợi ích cho cả kẻ còn người mất. Thần tích, giáo pháp truyền lại đáng tin để làm chỗ nương tựa.

Lại ra sắc chỉ cho quan Hữu Ty, ở kinh thành thành lập khuôn phép, tu sửa các cung xá, để cho những người có lòng tin Phật pháp hướng đến và có chỗ tạm nghỉ. Cũng vào năm đó, xây ngôi tháp Phật cao năm tầng, xây dựng điện ở núi Kỳ-xà-quật và núi Tu-di. Tiếp tục

sửa chữa giảng đường, nhà thiền, phòng xá cho đến tòa của Sa-môn thật trang nghiêm đầy đủ. Vua Thái Tông lên ngôi cũng noi theo đời vua trước. Kinh đô thôn ấp bốn phương đúc tạo hình tượng Phật, thường khiến Sa-môn dẫn dắt dân chúng.

Thời Hoàng Thỉ, ở quận Triệu có Sa-môn Pháp Quả giới hạnh trang nghiêm, giảng nói pháp yếu. Thái Tổ cho vị Sa-môn này thống lãnh Tăng đồ. Vua rất thỏa thích, cúng dường trọng hậu. Vua Thái Tông cung kính Sa-môn càng hơn trước.

Niên hiệu Vĩnh Hưng, lần lượt trao chức Phụ Quốc cho Nghi Thành Tử, Trung Tín Hầu An Thành Công, đều một mực từ chối. Vua thường đích thân đến đó, cửa nhỏ hẹp xe không thể qua được, nhà vua liền sửa cho rộng thêm.

Đến năm tám mươi tuổi, nhằm niên hiệu Thái Thường thì Sa-môn Pháp Quả thị tịch. Vua ba lần đến dự lễ an táng, làm lễ truy điệu thụy tặng danh hiệu: "Lão Thọ Tướng Quân Triệu Hồ Linh Công". Pháp Quả năm bốn mươi tuổi mới làm Sa-môn, trước khi xuất gia có con tên là Pháp Mãnh, vua hạ chiếu cho Mãnh noi theo Pháp Quả và phong cho chức tước.

Thế Tổ kế ngôi cũng noi theo nghiệp của Thái Tổ, Thái Tông, thường cùng các vị Sa-môn cao đức bàn luận. Ngày mồng 8 tháng 4, các tượng Phật được chở đi ngang qua con đường lớn, nhà vua đích thân ngự đến cửa lầu nhìn xuống rải hoa để tỏ lòng cung kính. Thái Tổ bình định Hách Liên Xướng. Các vị Sa-môn: Tuệ Chỉ, Bổn Trương Thị, Thanh Hà Nhân nghe tin ngài La Thập xuất bản kinh, những vị này liền đến Trường An yết kiến ngài và tu tập thiền định ở Bạch Cừ Bắc. Ban ngày thì vào thành nghe giảng, tối về ở phủ Tịnh Tam, người trí thức phần nhiều theo về.

Lưu Dụ diệt Diêu Hoằng, giữ Nghĩa Chân lại để trấn giữ Trường An, Nghĩa Chân và quan huyện đều kính trọng. Sau Nghĩa Chân bỏ Trường An, Hách Liên dương cung đuổi theo nhưng thất bại, người đạo kẻ tục đều bị chôn sống. Lúc đó, Tuệ Thỉ mang bạch đao (kiếm trắng) nên thân không bị tổn thương. Hách Liên nổi giận gọi Tuệ Thỉ đến trước mặt dùng kiếm báu đâm nhưng cũng không thể hại được, thấy vậy Hách Liên bèn kinh sợ mà tạ tội. Sau Tuệ Thỉ đến kinh đô giáo hóa dẫn dắt nhiều người, mọi người không thể sánh được dấu vết của Ngài. Vì thế Thái Tổ rất tôn trọng, càng kính lễ thêm. Từ khi mới tu tập thiền định đến khi thị tịch hơn năm mươi năm không hề ngủ nằm. Chân không mang dép lội dưới bùn đất mà chẳng dơ chân, gót chân trắng nỏn nên

người đời gọi là Cước A Luyện. Tự biết giờ qua đời, hôm đó trai giới thanh tịnh, ngồi ngay thẳng, Tăng chúng có mặt đầy đủ, thanh thản mà thị tịch. Thi hài để mười ngày mà dung sắc vẫn như thường. Hơn mười năm, khải tẩn cải táng, nhục thân không hư hoại, thật là điều kỳ lạ ở đời. Lễ an táng có hơn sáu ngàn người đến dự, đều cảm động. "Trung Thư Giám Cao Sung" là truyện ca tụng về đức tính của Tuệ Thỉ.

Trên phần mộ lập một tinh xá bằng đá, hình tượng vẫn còn.

Thế Tổ ưa thích Trang Tử, Lão Tử, phụng thờ sớm tối, quý kinh Xuân Thu. Ý chí lanh lẹ, có tài võ công. Tuy quy y Phật pháp, kính trọng Sa-môn, nhưng không hề xem kinh giáo, thâm cầu ý chỉ duyên báo. Được đạo của Khấu Khiêm, cho là thanh tịnh vô vi có chỗ chứng tiêu hóa, bèn tin và thực hành theo. Quân Ty Đồ Thôi Hạo cũng kính thờ đạo của Khấu Khiêm, không tin Phật pháp, thường cùng với vua nói những lời phỉ báng, cho rằng đạo Phật là hư dối hoang đường làm cho đời hao phí công sức, vua cho là Khấu Khiêm biện tài rộng lớn nên tin theo, Ngô phản ở Hương Thành, ở đất Quan Trung làm loạn, nhà vua đi chinh phạt đến Trường tu, vào chùa tham quan. Thấy Sa-môn ăn uống giống như những vị quan. Vào tiếp trong thất thấy tài sản, cung tên và những đồ vật của người giàu có. Trước vua nổi giận cho là Sa-môn phi pháp. Lúc bấy giờ Hạo theo nhà vua, nên vua bảo hạ chiếu giết Sa-môn ở Trường An, đốt phá tượng Phật chỉ để lại Đài Hạ. Khắp nơi đều y theo Trường An mà hành sự. Lại ban chiếu chỉ: Sa-môn kia giả Tây Nhung hư dối hoang đường vọng sinh yêu mị, không phải là đồng nhất giáo hóa cùng khắp, đức thanh cao trong thiên hạ. Từ đời Vương Công sắp về, nếu ai cung cấp cho Sa-môn đều để cho qua kỳ, không trao cho Sa-môn, có ai chết thì đều để dồn vào một cửa.

Bấy giờ, Cung Tôn làm Thái tử giám quốc (giám sát trong nước), rất kính đạo Phật. Ở sông Dỉnh nêu bày hình phạt giết hại, lại không phải là tội về hình. Hai, ba lần vua không bằng lòng, bèn hạ chiếu rằng: Xưa, vua đời Hậu Hán hoang đường tin hoặc tà ngụy, vọng dựa theo điềm mộng, tin tưởng yêu quỷ để loạn thiên hạ, từ xưa Cửu Lưu không ai như thế. Khoe khoang dối trá không có nhân tình. Đời của Thúc Lý mê vua loạn chúa, đâu không phải là quỷ thuật ư? Do đây chánh giáo không thực hành, lễ nghĩa bại hoại, ma quỷ thạnh hành, bắt chước vua xem thường Phật pháp. Từ đó trở đi đời kế họa loạn thiên phạt cực hình, dân chúng chết hết. Trong năm phục (năm loại áo tang) cúc chi khưu khu ngàn dặm tiêu điều không thấy dấu chân người đều do ở đây. Trẫm vâng theo sự phó thác của trời, phải đích thân thay đổi sự xấu tệ kia,

muốn trừ ngụy định chân. Lại sửa đổi hy nông tất cả trừ dẹp Hồ Thần, diệt bỏ dấu vết kia ngõ hầu không tạ tội với nhân dân. Từ đây về sau người nào dám thờ Hồ Thần và đúc các hình tượng bằng đất bằng đồng sẽ bị giết.

Tuy nói Hồ Thần, hỏi nay người Hồ hoặc có hoặc không đều là đời trước người Hán không nương các đệ tử Lưu Nguyên Chân, Lữ Bá Cường tiếp nối lời hoang đường của Khất Hồ. Dùng sự luống dối của Lão Tử, Trang Tử phụ thêm vào đó, đều không phải chân thật. Đến nỗi khiến cho phép vua phế bỏ không thực hành, là do bọn đại gian. Đời có người phi thường có khả năng làm việc phi thường, không phải trẫm thì ai có thể trừ bỏ sự tà vạy nhiều đời.

Quan Hữu Ty tuyên bố rằng ở nơi nào có hình tượng Phật và kinh điển đều đập phá và đốt bỏ. Sa-môn bất luận lớn nhỏ đều chôn sống, năm này là tháng ba niên hiệu Chân Quân năm thứ bảy. Cung tôn noi tuy chưa dừng, sang còn hoãn tuyên chiếu thư. Do đó, xa gần dự biết đều mưu tính được, Sa-môn ở các kinh thành, làng ấp khắp nơi lẫn trốn mà Phật thoát khỏi, các tượng báu vàng bạc, kinh luận phần nhiều được giấu kín. Còn cây gỗ, chùa chiền, tháp, kinh điển không dấu cắt kịp đều bị thủ tiêu hết.

Tập luận nói: Vua người làng Nhung Mã, bặt dấu vết văn nghĩa. Đã tham gia quân sự, rất tàn bạo. Chỉ có việc này là chính, còn những vấn đề khác không nghe nói đến. Vì thế giết người viết sử xấu hổ nói lỗi kia. Thôi Hạo thầm gièm pha nhưng vua đâu biết ông ta nịnh hót nên làm việc giết trừ. Lúc đó, chỉ vì sự khoái ý một đời mà thôi không bao lâu phát bệnh hủi, ăn năn cũng không kịp. Xem Thôi Hạo như thù oán, đã tàn ác dã man bị thiên hạ chê cười.

Ban đầu, Thôi Hạo cùng Khấu Khiêm đều là đồ đệ, Khấu cùng Hạo tranh luận Hạo không nghe theo, Khấu Khiêm bèn nói: Khanh nay tuổi còn trẻ sao giết hại dòng dõi như vậy?

Đến niên hiệu Chân Quân năm thứ mười một, Hạo bị chết phải chịu đủ năm thứ hình phạt. Bấy giờ, được bảy mươi tuổi. Thấy vậy rất hối hận, nhưng việc đã làm rồi khó mà sửa được. Cung Tôn thầm muốn phục hưng nhưng chưa dám nói. Bấy giờ, pháp lệnh khoan hồng, nhưng nhà nào còn lòng tin Phật pháp được kính thờ Sa-môn, thầm mặc pháp phục giảng tụng kinh rất đông người tham dự.

Đến tháng hai năm thứ mười ba, vua bị bệnh hủi rồi băng. Thái tử Hoãng do Hạo gièm pha cũng bị giết, người cháu lên ngôi. Bộ Kiểm Biệt truyện ghi rằng: Thôi Hạo chê bai Phật pháp. Tôn sùng Thiên sư

Khấu Khiêm, học Đạo Tiên. Những người họ Khương kính tin đọc tụng kinh điển của Phật như kinh Kim Cang, kinh Bát-nhã, Hạo lấy đốt hết bỏ vào nhà xí, rồi bỏ lên xe tù chở đến thành phía Nam, cho mười vệ sĩ đi tiểu trên đó, tiếng kêu oái oái trên đường.

Hạo nói: Đây là hiện báo của việc ta quăng ném kinh. Ban đầu, Hạo mặc ý dua nịnh vua, giết hại môn đồ họ Thích, viết văn phỉ báng, xướng lời hạ chiếu, nên bị cho là đứng đầu ma quỷ, vua chưa rõ việc đó. Có thể cho rằng người phi thường làm được việc phi thường?

Dòng họ của Hạo bị giết hết. Họ Hạo ở Thanh Hà không có bà con. Và họ Lư ở Phạm Dương, họ Quách ở Thái Nguyên, họ Liễu ở Hà Đông đều là bà con bên ngoại của Hạo đều bị giết hết.

Có lời thơ rằng:

"Gièm pha khắp nơi,
Giao loạn bốn nước".

Hiệu nghiệm ư?

Bộ Tập Luận nói: Xưa, sự gia hình của Tam Công, đây là rất tàn ác. Đâu không hận lời dối trá tà nịnh độc ác nhân từ, cho đến khi bị bệnh hủi thì chính thân phải chuốc lấy quả báo không thể tránh khỏi được. Tàn bạo gièm pha, ăn năn lỗi trước, khắc chế tự mình vốn là điều khó. Không tự trách mình về sự ám hoặc kia, làm việc bạo ngược với người, không nào thể hết được tội lỗi kia, ắt hẳn là cắn tới cái rốn của mình.

Xưa, Long Phùng gặp Hạ Kiệt, Bỉ Can phanh thây Ân Tân, lập Bào Lạc làm cây nghiêm hình, ao rượu để vui lòng hạ thần (đổ rượu xuống ao). Lúc bấy giờ, mọi người đâu cho là chánh giáo ư? Buông lung phô bày điều quấy mà gọi là tốt. Đến đời Hậu Nam Sào bị phóng cờ trắng treo đầu, không có người thay thế phải tự mình đương đầu mà chịu, nước mất thân không còn, không thể tránh khỏi được, tai họa đến không kịp trở gót tự mình phải chuốc lấy. Từ đây về sau, đời đời noi theo đạo của Khấu Khiêm, văn đời Ngụy khai mở Thật Lục kia. Xem xét đời chung cổ, vua Nghiêu bua Thuấn còn bị bệnh, vì thế kinh Phật nói rằng: Hai nghi còn mất, nước nhà có gì là thường, đây là lời chí lý. Thế Tổ có tự hỏi lại mình vốn thuộc lễ nghi, không thực hành lòng từ cứu giúp, do đời sau không rõ, không biết rằng khi xưa nương vào ng-hiệp gì mà có Trung Nguyên, vì sao lại buông lung mê mờ hung ác làm việc bạo ngược này, việc này thật không thể được. Đây là tự khuyên nhắc mình, ăn năn được ư?

Xưa có Sa-môn Huyền Cao là bậc tài giỏi của Không môn. Thông

linh cảm chúng, được Đạo Vương Lương Bình ở Hà Tây và Thái Võ ở Đông Quy tin tưởng kính trọng, là Thầy của Thái tử Hoảng.

Thái tử Hoảng hiếu kính với vua, tôn kính Phật pháp. Thôi Hạo và Khấu Khiêm may mắn được lòng vua, sợ Thái tử nhiếp chánh sẽ gặp nguy hiểm bèn thầm gièm pha với vua rằng có mưu đồ khác phải lo trước. Vua tin theo liền nhốt Thái tử vào cung sâu. Đêm đó, vua mộng thấy ông nội của Thái tử tay cầm kiếm, nổi giận nói rằng: Thái tử là người đầy đủ nhân hiếu trung thành, vì sao tin theo lời gièm pha như vậy.

Vua thức dậy, tập trung các quan trong triều để kể lại giấc mộng đó. Các vị Bá tước anh hùng tâu rằng: Thái tử là người vô dụng, đáng bị nhốt ở thâm cung.

Lại một lần nữa, vua tin theo.

Vào tháng giêng niên hiệu Chân Quân năm thứ năm, vua hạ chiếu rằng: Trẫm vâng theo đầu mối của Tổ tông xán lạn, suy nghĩ rằng đã mở mang nghiệp lớn, khôi phục hưng thịnh muôn đời. Võ Công tuy sáng rạng nhưng văn giáo chưa thông suốt, không phải là chỗ để muôn dân tôn sùng và cai trị cho đất nước thái bình. Nay ở Tây Vức an lành, muôn dân giàu có, nên theo chế độ là pháp của muôn đời. Phàm âm dương có qua lại, bốn mùa có thứ lớp. Thọ tử nhậm hiền đâu hoàn toàn giao cho nhau được. Do đó phải nghỉ ngơi lao nhọc, cách thức vốn lâu dài, xưa nay không dễ gì tìm được người mẫu mực. Có thể cho Hoàng Thái tử là người hợp lý muôn cơ, gồm nhiếp muôn việc. Lại nêu các vị hiền lương để nêu đủ chức vị, chọn người trao trách nhiệm mà truất vị. Tất cả kẻ sĩ, thứ dân trong triều đều xưng thần với Thái tử v.v... Thôi Hạo lại gièm pha rằng: Việc trước của Thái tử thật có âm mưu, chỉ kết với đạo thuật của Huyền Cao vì thế khiến trước kia vua nằm mộng. Như vậy chớ luận bàn, sự tích khó rõ ràng, nếu không sớm trừ thì sẽ có hại lớn, vua lại nghe theo Thôi Hạo, liền giết Thái tử chết và bắt Huyền Cao treo cổ ở phía Nam Bình Vức, bấy giờ nhằm niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi mốt, đời Tống. Đêm đó, đệ tử ngài Huyền Cao không biết Ngài bị chết, bỗng một luồng ánh sáng nhiễu quanh tháp rồi vào phòng, có tiếng nói rằng: Ta đã chết rồi.

Các đệ tử nghe vậy vội chạy đến chỗ thi hài xin Ngài ban cho vài lời dặn dò.

Huyền Cao bỗng nhiên ngồi dậy nói: "Đại pháp ứng hóa tùy duyên có lúc thạnh lúc suy. Thạnh suy ở nơi dấu vết, lý thường vắng lặng. Chỉ lo cho các ông không bao lâu cũng bị như ta mà thôi. Các người sau khi

chết pháp sẽ hưng thịnh trở lại, phải khéo tự mình tu tâm đừng để sau này hối hận". Nói rồi liền nằm xuống thị tịch.

Lời gièm pha của Thôi Hạo đã thâm độc, có thể khiến cho cha phải hiềm nghi con, cho đến giam nhốt đến chết, huống chi Sa-môn ư!

Ngày mồng 5 tháng 2 niên hiệu Chân Quân năm thứ hai mươi ba, vua Thái Võ băng hà, Thái tử đã bị chết. Ngày mồng chín Ngô Vương lên ngôi, đổi niên hiệu là Vĩnh Bình. Đến ngày mồng 1 tháng 10 Ngô Vương lại băng hà. Cháu của vua húy là lên ngôi, đổi niên hiệu là Hưng An, đây là văn Thành Đế, miếu hiệu là Cao Tông. Nhưng Phật giáo cao xa, sáng chói cả bốn biển, châu đây muôn nước không vua nào không phụng thờ. Bắc Ngụy tuy trừ nhưng Nam Tống càng mạnh, xưng là Chân Quân minh chủ, không mê hoặc ư? Ngờ vực con tin theo bọn giặc thần ai dám thương tiếc ư? Cảm quả báo bị bệnh hủi tự mình chịu sự đau đớn của căn bệnh này. Đây thật là tàn ác! Dân chúng suy nghĩ dù sao đi nữa tồn vị chẳng phải một.

Niên hiệu Hưng An năm đầu, Cao Tông nối ngôi, hạ chiếu rằng: "Phàm làm vua phải thờ kính linh minh hiển bày lòng nhân đạo. Kia có thể ban ơn cho chúng sinh, cứu giúp lợi ích cho muôn loài. Tuy còn xưa nay, vẫn nói theo phong cách kia, đây là dùng sách Xuân Thủ gia thêm lễ sùng minh. Sách cúng tế ghi chép công của dòng họ cúng thí, huống chi giáo pháp của Đức Như Lai công cứu giúp cả đại thiên thế giới, ân huệ lưu truyền khắp mọi nơi. Người nghiên cứu về việc sinh tử thì khen giáo pháp kia là quán sát thông suốt, người xem văn nghĩa thì tôn quý kia là pháp môn nhiệm mầu, giúp cho pháp luật ngăn cấm của chính sách cai trị của vua, lợi ích cho thiện tánh của lòng nhân, trí, bài bác bọn tà, mở rộng chánh giác, vì thế đời trước đến nay đều tôn trọng. Cũng như quốc gia của ta thường tôn trọng. Đời Thế Tổ, Hoàng Đế Thái Võ rộng mở biên cương, đức thấm nhuần mọi nơi. Sa-môn Đạo sĩ hạnh lành thuần thành như Tuệ Thỉ không nơi nào chẳng đến. Phong cách oai nghi cảm hóa mọi người, thường như rừng cây. Ở núi sâu biển cả có nhiều quái vật, bọn gian dâm được nhờ ơn. Trong các chùa đến nỗi có bọn hung đảng. Đây là do triều đại trước giết hại có tội kia. Quan Hữu Ty theo ý chỉ sai lầm cấm đoán tất cả Hoàng đế Cảnh Mục thường bùi ngùi. Lúc đó, việc quan, việc quân, việc nước quá nhiều, chưa kịp sửa lại. Trẫm theo sự nghiệp lớn lao, vua đến muôn nước, suy nghĩ lể lại ý chí trước để hưng thịnh đạo này. Nay ra lệnh cho các châu, thành, quận, huyện chỗ nào đông người ở đều cho phép xây dựng một ngôi chùa, tài dụng xây dựng không chế hạn lượng. Ở những nơi đó có người nào ưa

mến đạo pháp, muốn làm Sa-môn, bất luận lớn nhỏ hễ xuất thân từ gia đình lương thiện, tánh hạnh trong sạch, dốc chí cầu đạo, biết rõ làng xóm thì cho phép xuất gia. Đại khái ở Đại châu có năm mươi người, Tiểu châu có ba mươi người, đủ để đổi ác thành thiện mở mang đạo pháp. Trong thiên hạ vâng theo phong tục lại tu sửa tượng Phật, kinh luận đều được công khai hiển bày. Lúc bấy giờ, dòng họ vua nước Kế Tân là Sa-môn Sư Hiền. Từ phương Đông du hóa đến kinh thành, lại đến kinh Hạ, nhân lúc Phật pháp bị suy vi, phương tiện giả làm y thuật mà giữ đạo không sửa đổi. Đến lúc khôi phục lại, liền làm Sa-môn. Đồng bọn có năm người, chính thân nhà vua xuống tóc, Sư Hiền làm Tăng Thống v.v...

Niên hiệu Hưng Quang năm đầu, vua ra sắc lệnh cho quan Hữu Ty ở chùa lớn năm tầng cầu phước cho năm vị vua Thái Tổ trở xuống, từ đúc năm tượng Phật Thích-ca, mỗi tượng cao một trượng sáu thước, dùng hai mươi lăm vạn cân vàng tía để sơn phết.

Vua lễ Sa-môn Đàm Diệu làm Thầy.

Yêu cầu vua ở kinh Tây, Vũ Châu, Tây Sơn, Thạch Bích, khai đào hang để điêu khắc, mỗi hang điêu khắc một tượng Phật. Tượng cao nhất là bảy mươi thước, kế cao sáu mươi thước, chạm khắc kỳ vĩ nhất đối với muôn đời nay. Thời nay, có người đến đó nhìn thấy, kể lại rằng: Hang sâu ba mươi dặm. Phía Đông là chùa Tăng, gọi là Linh Nham; phía Tây là chùa Ni. Đều đục đá làm bàn thờ (khám). Chứa cả ngàn người. Trở về phía Bắc có vách núi đá cao bảy dặm đỉnh cao nhất bảy dặm. Bàn thờ Phật liên tiếp các nơi. Bấy giờ, có lúc làm, có lúc nghỉ, số lượng tượng Phật ai có thể tính đếm được. Có một đạo nhân, tám mươi tuổi, lễ tượng Phật làm nghiệp. Cứ một tượng lạy một lạy đến trong bàn thờ (khám) mà chết. Thi hài nằm dưới đất, dùng đá đậy lên, nay vẫn còn thấy. Đâu thể tính được thời đại. Ở phía Đông Sóc châu ba trăm dặm, phía Tây thị trấn Hằng An hai mươi dặm, người thường đến, kể lại như vậy, thật là một việc phước không thể nghĩ bàn.

Niên hiệu Hoàng Hưng năm đầu, Cao Tổ Văn Đản xây dựng chùa Vĩnh Ninh ở đài phía Bắc Hằng An, tượng Phật có bảy bậc, cao hơn ba trăm thước, chu vi khuôn nền này là bậc nhất trong thiên hạ.

Lại, đức tượng Đức Phật Thích-ca tại chùa Thiên Cung, cao bốn mươi ba thước, dùng mười vạn cân vàng đỏ và sáu trăm cân vàng ròng để sơn phết tượng. Tiếp đó, xây dựng tượng Phật bằng đá ba tầng cao mười trượng. Rui, nóc, xà ngang, cột trên dưới nhiều lớp kết nhau, lớn nhỏ đều bằng đá, kiên cố đẹp đẽ, đây là quang cảnh trang nghiêm ở

Thủ đô Bắc Kinh.

Niên hiệu Duyên Hưng năm đầu, Hiển Tổ Hiến Văn nhường ngôi cho Thái tử, Tăng Cái Nhất Danh Hoằng tức Hiếu Văn. Lúc lên năm tuổi, sáng suốt anh minh thấu rõ lý nhiệm mầu, cùng thần biết căn cơ. Khi mới lên ngôi, Hiển Tổ dời đến cung Sùng Quang ở Bắc Uyển xem xét học tập về sách nhiệm mầu. Lập chu vi Lộc dã ở Tây Sơn thuộc Uyển Trung. Cách cung Sùng Quang về bên phải chừng mười dặm, xây thiền thất để chúng Tăng tu thiền ở.

Niên hiệu Thừa Minh năm đầu, Hiểu Tổ Thái Thượng Hoàng băng, xây dựng chùa Kiến Minh, sau đó làm phước, độ tăng, lập chùa chẳng phải một.

Niên hiệu Thái Hòa năm thứ mười sáu hạ chiếu: Mỗi năm vào ngày mồng 8 tháng 4 và ngày rằm tháng 7, chó phép ở Đại Châu một trăm người, Trung Châu năm mươi người, Hạ Châu hai mươi người xuất gia làm Tăng Ni, vì muốn lấy đây làm phép tắc bình thường.

Niên hiệu Thái Hòa năm thứ mười chín, thường đến chùa Bạch Thái ở Từ châu, nói với các Thần vương hầu rằng: Chùa này có vị danh Tăng là Pháp sư Tung thọ học luận Thành Thật với ngài La-thập, sau trao lại cho Pháp sư Uyên, Pháp sư Uyên lại trao cho hai vị Pháp sư là Đăng và Kỷ, trẫm thường xem luận Thành Thật này, có thể cho là người đạo thích thâm tình, vì thế trẫm đến chùa này. Dáng dấp oai nghi của Đạo Đăng có nghĩa nghiệp, Cao Tổ thường nhìn ngắm và đợi nghe giảng luận ở trong cung. Đến khi Đạo Đăng thị tịch, vua rất thương tiếc, cúng dường cả ngàn tấm lụa. Mời tất cả chúng Tăng vào kinh thành hành đạo bảy ngày. Hạ chiếu rằng: Pháp sư Đạo Đăng là Thầy của trẫm bỗng nhiên bị chết. Sau lưng Ngài bị đau dữ dội không thể chịu được. Đã tìm mọi thứ thuốc để trị, cẩn táng thận chưa cho phép liền đi, nhớ lại nghĩa thầy, khóc ngoài các cửa, người xuất gia, tại gia đều vinh hiển.

Ở Tây Vức có Sa-môn Bạt-đà, đạo nghiệp rất cao sâu, vua rất kính trọng, vua ban chiếu chỉ lập chùa Thiếu Lâm ở Thiểu Thất Sơn Âm, mời Sa-môn Bạt-đà đến ở và cúng dường y thực.

Tháng năm năm thứ hai mươi mốt hạ chiếu rằng: Pháp sư La-thập có thể gọi là bậc Thần xuất năm tài, chí nhập bốn hạnh. Nay ở chùa vẫn còn di tích, khâm phục dấu tích tu hành của Ngài và tình cảm thấm nhuần xa gần, nên ở giảng đường xưa xây tháp Phật ba tầng. Lại thấy bị ép ngặt, bạo ngược vì đạo bỏ thân. Đã đồng lễ của thế tục, lẽ ra có con cái nói dòng. Nên trước là lập giám Phước Tào, lại đổi thành Chiêu Huyền, đủ có quan thuộc để giải quyết việc Tăng, tức đồng như nay là

Sùng Huyền Thự của chùa đây.

Lúc bấy giờ Cao Tổ biết tên các vị Sa-môn như Đạo Thuận, Tuệ Giác, Tăng Ý, Tuệ Tự, Tăng Phạm, Đạo Biện, Tuệ Độ, Trí Đản, Tăng Hiển, Tăng Nghĩa, Tăng Lợi, Cao Tổ đều tôn trọng.

****

Có Ngụy Hiếu Văn Thánh Thiên Tử, năm năm tu thiền, mười năm làm quan. Niên hiệu Thái Hòa năm thứ mười tám dời đô đến Lạc Dương. Năm thứ hai mươi đổi thành họ Nguyên. Trăm bài văn chương lỗi lạc xưa nay, khi mới lên ngôi thì nhờ các quan hữu ty, niên hiệu Thái Hòa về sau đều tự mình vận bút, trước sau các vị vua không thể bì kịp. Như Thiên Tăng Hành đã hạ chiếu.

Thế Tông lên ngôi, hạ chiếu rằng: Giới luật đã khác, pháp luật cũng không giống. Vì thế đạo giáo xen nhau hiển, nghiêm cấm và khuyến khích đều có sự thích nghi. Tăng phạm tội trọng giết người thì y theo pháp luật thế gian mà xử, còn phạm những tội khác đều giao cho Chiếu Huyền dùng giới luật của Tăng giải quyết.

Niên hiệu Hy Bình năm đầu, hạ chiếu cho Sa-môn Tuệ Sinh đi sư sang Tây Vức sưu tầm kinh luật, trải qua bảy năm, đến mùa Đông niên hiệu Chánh Nguyên thứ ba mới trở về, số kinh luận đã được gồm một trăm bảy mươi bộ. Niên hiệu Cảnh Minh, vua Thế Tông hạ chiếu cho Đại Trường Thu Khanh, y theo hang đá chùa Linh nham ở đại kinh. Tại núi Y Khuyết thuộc Lạc Nam được Hoàng Thái hậu của Cao Tổ là Văn Chiêu xây dựng hai hang đá cách mặt đất ba trăm mười thước. Sau do phá núi quá cao phí công, khó được, bèn dời xuống thấp hơn, cách đất chừng một trăm thước, hai đầu (Nam, Bắc) cách nhau một trăm bốn mươi thước.

Vào niên hiệu Vĩnh Bình, được Thế Tôn xây dựng ba hang đá, từ niên hiệu Cảnh Minh năm thứ nhất, đến niên hiệu Chánh Quang năm thứ tư, tính ra hai mươi bốn năm mới hoàn thành, với tám mươi vạn hai ngàn ba trăm sáu mươi sáu công thợ.

Thời vua Túc Tông, niên hiệu Hy Bình, trong thành xây dựng chùa Vĩnh Ninh. Linh Thái hậu đính thân đốc suất cả một trăm người xây nền lập chùa, tháp có chín tầng cao hơn bốn mươi trượng, phí tổn không thể tính kể. Niên hiệu Cảnh Minh chùa tháp ít hơn. Sau, thời quan Tư chùa tháp rất nhiều.

Niên hiệu Thần Quy năm đầu Ty Không Thượng Thư khiến lãnh nhiễm thành, Vương Trừng phụng thờ chùa tháp dần dần nhiều thân, ngại cho chỗ ở của dân.

Lược rằng: Đức Như Lai mở mang giáo pháp phần nhiều ở núi rừng. Nay Tăng chúng quyến luyến người thân, thành thị, há chỗ chật hẹp là chỗ thích nghi cho việc kinh hành, ồn ào là chỗ ngồi thiền ư? Sẽ bị lợi dưỡng dẫn dắt tâm kia đâu thể dừng lại. Vả lại, người ở đã đánh mất sự chân thật kia, người xây dựng chùa chiền tổn phước kia. Chính là cặn bã của dòng họ Thích, là con chuột của pháp môn, giới luật không dung chứa, phép vua cũng đáng bỏ. Có thể làm được ư? Không bao lâu thiên hạ tán loạn, thêm họa ở Hà Âm. Quan chức trong triều có người chết lại bỏ nhà kia mà vào chùa, nên liền cấm không cho làm nữa.

Niên hiệu Hưng Hòa năm thứ hai vua xuống chiếu dùng cung xưa ở Nghiệp thành làm chùa Thiên Bình. Đời Thế Tông đến cuối thời Vũ Định, các vị trong pháp môn biết tên như: Tuệ Mãnh, Tuệ Biện, Tuệ Thâm, Tăng Xiêm, Đạo Khâm, Tăng Hiến, Đạo Hy, Tăng Thâm, Tuệ Quang, Tuệ Ngung, Pháp Vinh, Đạo Trường đều xem trọng đạo và tục. Từ khi nhà Ngụy lên ngôi đến khi nhường ngôi, kinh Phật lưu thông đến Trung Quốc tính ra có bốn trăm mười lăm bộ gồm mười ngàn chín trăm mười chín (1.919) quyển. Niên hiệu Chánh Nguyên về sau, thiên hạ phần nhiều lo lắng rất sợ nhà vua bắt đi thú ngoài biên ải. Đối biên hộ sở tại đây theo nhau vào đạo. Mượn cớ là kính mến Sa-môn, nhưng thật ra là để tránh sự điều động đi thú ngoài biên ải. Thật là quá hèn nhát. Từ khi Trung Quốc có Phật pháp đến nay chưa khi nào có trường hợp như vậy. Lưu tệ không quy nhất đến nỗi như thế. Người trí thức phải dừng ở đó.

Nguồn gốc của đạo Lão phát xuất xứ từ Lão Tử, Lão Tử tự nói như vậy. Trước trời đất sinh để giúp muôn loài. Trên, ngọc kinh là tông của Thần chủ. dưới, tử vi là chủ của phi tiên. Ngàn muôn biến hóa có đức không đức, tùy cảm ứng vật khuyết tích vô thường. Trao càn xe ở Nga Mi. Giáo Đế cấp báo ở Mục Đức Đại Vũ nghe pháp bí truyền trường sinh, Doãn Hỷ thọ ý chỉ đạo đức, nói diệu hữu linh đỗng không thể thù thắng, kia chính là giáo. Hoặc trừ bỏ tà lụy tháo tuyết tâm thần, tích hạnh thọ công, chứa đức thêm thiện, cho đến bạch nhật thăng thiên, trường sinh trên đời. Đây là do Tần Hoàng Hán Võ cam tâm không dứt, lao tâm kiệt sức để truy tìm, nhưng không được, thoái hận về sau. Vì thế, có việc giết hại ba họ Loan, Đại và Từ. Nhưng đạo kia mê hoặc người bắt chước học theo chẳng phải một.

Linh Đế dùng hoa che rồng to lớn, lập ra đàn tràng làm lễ, và Trương, Lăng thọ đạo với Hộc Minh (Thiên Nga kêu). Truyền chương Thiên Cung một ngàn hai trăm (1.200) chương. Đệ tử truyền nhau việc

làm kia. Đàn chay cúng tế quỳ lạy đều có thành pháp. Đối Tam nguyên cửu phủ đây có một trăm hai mươi vị quan, tất cả các thần đều gồm nhiếp. Lại xưng kiếp số, tạm trộm kinh Phật và kiếp kia hết gọi là trời đất đều hoại. Sách đó phần nhiều cấm mật, không phải bọn họ thì không được xem. Còn như hóa vàng, tiêu ngọc, bùa chú, sắc thủy, ỷ phương diệu thuật muôn cách ngàn điều. Trên nói là hóa cánh bay lên trời, kế gọi là tiêu trừ tai họa. Vì thế, người ưa điều khác lạ thường thường tôn thờ. Ban đầu, Văn Đế đến nước Tấn, người theo hầu nói rằng: Đăng Tiên y khuyết, Thái Tổ ưa lời nói của Lão Tử, tụng vịnh không mỏi mệt.

Vào niên hiệu Thiên Hưng Nghi Tào Lang Đổng Mật, vua đọc kinh đạo Tiên mấy mươi bài. Bèn sắp đặt vị Tiên Bác sĩ, lập tiên phường nấu luyện một trăm vị thuốc, giao cho Tây Sơn để cung cấp củi. Khiến cho tử tội uống, phần nhiều chết không linh nghiệm. Thái Tổ còn riêng tu. Thái y Chu Đam cố sức kỳ tiên thái chi dịch, muốn bỏ việc kia. Âm khiến vợ hóa thành vị Tiên Bác sĩ vợ của Trương Diệu, Diệu che giấu tội. Diệu sợ chết, do đó xin sống ở nơi xa xôi hẻo lánh (Tích cốc), Thái Tổ cho đó, cung cấp đồ dùng cho Diệu, tạo Tĩnh đường ở Uyển Trung, cho người quét dọn hai nhà, làm nơi luyện thuốc, làm Tiên lục. Thời gian lâu, Thái Tổ mệt mỏi mới thôi.

Thời Thế Tổ, Đạo sĩ Khấu Khiêm Chi tự là Phụ Chân, người Châu Nam Ung là em của Sử Tán. Trước theo đạo Tiên, tu theo thuật của Trương Hội, uống thuốc cả năm mà không có hiệu quả. Có vị Tiên Thành Công Hưng làm thuê cho nhà Khiêm Chi. Sau đó, Khiêm Chi tính Thất Diệu, Hưng hoang mang không rõ, liền nói: Sao không giải thích?

Khiêm Chi nói: Ta học toán nhiều năm, gần đây tính Chu Bể không hợp.

Hưng khiến theo lời nói trình bày, trong giây lát liền giải quyết được. Khiêm Tán Thục muốn tôn Hưng làm Thầy. Hưng một mực từ chối, xin làm đệ tử của Khiêm Chi. Không bao lâu cùng vào Hoa Sơn ở thạch thất (tịnh thất bằng đá) Hưng tìm thuốc cho Khiêm uống, không bị đói. Lại cùng vào thạch thất ở núi Tung, nói rằng sẽ có người đem thuốc đến, được thì uống chớ nghi. Sau đó, có người đem thuốc đến, đều là thuốc độc. Khiêm Chi sợ bỏ đi. Hưng trở về hỏi sự việc đầy đủ, liền than rằng: Tiên sinh chưa phải là tiên, chỉ có thể làm Thầy Đế vương mà thôi. Hưng thờ phụng hầu hạ Khiêm bảy năm. Một hôm nói rằng không được ở lại đây lâu, sáng mai nên đi. Đến lúc sắp mất, thấy có hai đồng tử, một người cầm pháp phục, một người cầm tích trượng và bình

bát đến chỗ thây chết của Hưng, Hưng bỗng nhiên đứng dậy đắp y cầm tích trượng và bình bát mà đi.

Khiêm Chi thủ chí có Tung Nhạc, do Thần báo điềm lành vào tháng 10 năm thứ hai, gặp vị Đại thần cỡi ngựa nương mây và một trăm vị thần linh đi theo tập trung ở đỉnh núi, xưng là Thái Thượng Lão Quân, bảo Khiêm Chi rằng: Từ khi Thiền sư Trương Lăng tạ thế đến nay, người cai quản ở đời, văn thân trực lý của Khấu Khiêm Chi, ta muốn trao địa vị Thiên sư cho ngươi, tặng cho ngươi "Vân Trung Tân Khoa" hai mươi quyển. Từ khi khai mở đến nay không lưu truyền ở đời, người phải tuyên truyền Tân Khoa Thanh Chỉnh đạo giáo của ta, trừ bỏ Tam trương ngụy pháp thuế gạo, thuế tiền và thuật hợp khí của nam nữ. Đại đạo thanh tịnh đâu có việc này, chuyên dùng lễ độ làm đầu, lại thêm nấu ăn, luyện thuốc, khiến cho Ngọc Nữ Cữu Nghi mười hai người lãnh thọ sự dẫn dắt bằng lời nói của Khiêm Chi, bèn được tích cốc khí thạnh, nhan sắc đẹp đẽ, đệ tử có hơn mười người đều được phương thuật đó.

Tháng 10, niên hiệu Thái Thường năm thứ tám có Mục Sĩ Thượng Thư Lý Phổ Văn đến Tung Nhạc nói là cháu chín đời của Lão Quân. Xưa ở Đại Quận Tang càn. Thời Hàn Võ Đế được đạo làm Cung Chủ Mục Sĩ. Thống lãnh ba mươi sáu nước nhân quỷ, địa phương rộng mười tám vạn dặm. Trong đó làm phương vạn dặm, có ba trăm sáu mươi phương. Bảo đệ tử rằng: Tung Nhạc chỗ thống lãnh phương vạn dặm để giao cho Khiêm, làm lời cáo v.v...

Lục Đồ sáu mươi quyển, Chân kinh giao cho ngươi, phụ tá phương Bắc, Thái bình chân quân nêu pháp Thiên cung tịnh luân. Nếu xây dựng thành công thì vượt lên chân tiên.

Lại nói: Chúng sinh đời nay, kiếp mạt sắp đến hành giáo rất khó, nam nữ lập đàn tràng sớm tối lễ bái v.v...

Lại nói: Trong Nhị nghi có ba mươi sáu cõi trời, mỗi cõi trời có ba mươi sáu cung. Mỗi cung có một người chủ. Những người đứng đầu trong dó gồm: Tùng Vương, Kiều Hàn chung, Trương An Thế, Lưu Căn, Trương lăng, những vị Tiên đời cận đại, đều làm tùy tùng, bảo Khiêm Chi cùng các vị tiên làm bạn.

Lại nói: Khi xưa Phật ở Tây Hồ đắc đạo, ở cõi trời ba mươi hai làm Diên chân cung chủ, dõng mãnh khổ giáo nên đệ tử của Phật đều cắt tóc nhuộm y, dứt bặt giao tiếp với người. Y phục cõi trời đều như vậy. Trong niên hiệu Thỉ Quang, ban đầu kính phụng sách kia, hiến cho Thế Tổ, khiến Khiêm Chi dừng việc cung cấp thực vật cho Trương Diệu ở Tích cốc (sống một mình ở nơi hẻo lánh). Trong triều, ngoài nội nghe

đó hoặc còn hoặc mất chưa hoàn toàn tin. Thôi Hạo riêng khác lời nói đó, tôn làm thầy mà thờ, lãnh thọ pháp thuật kia. Dâng sớ làm sáng tỏ việc ấy rằng: Thần nghe Thánh vương thọ mạng thì có thiên ứng, mà bộ "Hà Lạc Đồ Thơ" nương lời nói nơi văn trùng thú, chưa phải ngày nay do thần tiếp đối tay viết, buổi cười từ chỉ thâm diệu, từ xưa không có việc này. Xưa bậc Hán cao anh thánh, tứ hạo còn lấy làm hổ thẹn không chịu luồn cúi. Nay Thanh đức ẩn tiên không mời tự đến. Đây thật là Bệ hạ ngang hàng tung tích phù chú Hiên Huỳnh ứng thiên, đâu thể để thế tục thường bàn luận chịu lệnh của Thượng linh, thần thầm sợ đó. Thế Tổ vui vẻ, bèn khiến yết giả phụng Ngọc Bạch Sinh lao quán sát Tung Nhạc. Tiếp đón đệ tử khác ở trong núi, kính thờ Thiền sư ở Tung Nhạc, lập đàn tràn mở mang Tân pháp, thông báo thiên hạ thực hành đạo nghiệp, phụng thờ Thiên sư rất cẩn bạch bái lễ, bị người chê bai.

Lúc đó, hơn ba mươi Đạo sĩ ở núi Tung đến phía Đông nam của Đạo Tràng kinh Thiên Sư, đàn cao năm tầng, y theo chế độ Tân Kinh. Cung cấp y thực cho một trăm hai mươi người, trai giới nghiêm túc sáu thời. Mỗi tháng tập trung ở nhà bếp hơn ngàn người.

Khiêm Chi tâu rằng: Bệ hạ cho Chân Quân mà giao du ở thế gian, lập Thiên Cung Tĩnh Luân, từ xưa chưa có, nên đến thọ phù lục, giúp pháp điều khiển lá cờ đều màu xanh để theo màu của đạo gia. Từ nay về sau các vua lên ngôi đều như vậy.

Cung Tôn thấy Khiêm Chi xây dựng Thiên Cung Tĩnh Luân phải thật cao để không nghe tiếng gà gáy tiếng chó sủa và giao tiếp với Thiên thượng, công lao muôn kế, qua cả năm mà chưa hoàn thành, bèn nói với Thế Tổ rằng: Đạo của trời người định lực cao thấp khác nhau. Nay Khiêm Chi đã ước định thời gian mà không thành, nói việc không đúng, tài sức phí tổn, trăm dân khổ nhọc, đâu thể như vậy được. Quyết phải đúng như lời nói, không gì bằng nhờ Đông sơn có bờ cao muôn nhận, là công lao sai khác, vua rất thâm hiểu.

Chỉ vì Thôi Hạo tán thành nên khó trái với ý của ông ta. Trầm ngâm giây lâu, Thế Tổ nói: Ta cũng biết việc kia không thành, đã như vậy sao tiếc năm, ba trăm công?

Niên hiệu Chân Nguyên năm thứ chín, Khiêm Chi chết. An táng theo lễ của Đạo sĩ. Các đệ tử cho là thi hài tan rã, biến hóa mà đi. Thế là Thiền cung Tĩnh Luân cuối cùng không hoàn thành, liền xây dựng lại.

Lúc bấy giờ, kinh Triệu Vi Văn Tú ở ẩn trong núi Tung. Thế Tổ tìm hỏi Phương Sĩ việc Kim Đan.

Phương Sĩ đáp: Thần thông sâu xa biến hóa không lường. Có thể

không công khai, khó dự định thời gian. Thần khi xưa thọ nơi tiên sư, chưa làm việc đó. Thế Tổ trọng hào tộc ôn hòa nhã nhặn, cho Thượng Thư Thôi Trách đến núi Vương.

Hợp tan cuối cùng không thành công.

Lúc bấy giờ, Phương Sĩ đến, trước sau mấy mươi người lịch xuất danh hành. Kỳ Tiêm ở Hà Đông ưa tướng nhân Thế Tổ thân mật, bái Tiêm Thượng Đại Phu.

Tần Dương Phùng vừa nghe Hỷ Ngô khuyến khích hướng dẫn cách dưỡng sinh, hơn một trăm tuổi mà thần khí không bị suy hao. Các Đạo sĩ Hằng Nông, các bình rộng đọc, một trăm nhà không thể đạt ý, nhưng đối chiếu từ thì sẽ ghi chép được. Phù Phong Lỗ kỳ gặp Hách Liên phản nghịch, trách vào núi Địa Hàn truyền giáo được mấy trăm người, ưa phương thuật ít ham muốn.

Thức ăn của La Sùng ở Hà Đông là nhựa cây thông, không ăn ngũ cốc. Nói rằng thọ đạo tu ở núi, có huyệt đạo Côn Lôn, Bồng Lai được thấy vị Tiên thường đến. Vua khiến về quê lập đàn cầu thỉnh, ban chiếu chỉ Hà Đông cung cấp chỗ cần thiết. La Sùng vào hàng (huyệt đạo) một trăm bước, cùng đường quay lại, quan hữu ty vu khống chẳng nói, tâu tội lên vua.

Thế Tổ tha tội cho, để mở ý tiếp đãi người hiền. Đông lai, Vương Đạo, Đực Ẩn, Hàn Tín ở trong núi bốn mươi năm. Không ăn lúa gạo ăn lúa mạch, thông suốt kinh chương phù chú không giao tiếp thế tục. Hiển Tổ sai Thứ sử Thanh Châu đến kinh đô, vẫn giữ bổn tháo, bèn khiến Tăng Tào cung cấp y thực trọn đời.

Niên hiệu Thái Hòa năm thứ hai mươi lăm, ra chiếu chỉ rằng: Phàm chí đạo vô hình, vắng lặng vô chủ. Từ khi có nhà Hán về sau làm đàn cúng tế, triều đại trước do thuận kia có thể quy y, vì đó lập ra chùa chiền.

Xưa trong kinh thành Cư xá còn ít. Nay nhà cửa san sát, người dân đông đúc, chẳng phải là chỗ tôn sùng chí pháp, cung kính thần đạo. Có thể dời đến phía Nam kinh Đô thuộc phía Bắc Tang Càn, phía Nam núi Nhạc. Xếp đặt cung cấp năm mươi hộ để làm chỗ cúng tế, gọi là chùa Sùng Hư. Mời ẩn sĩ ở các châu, được chín mươi người, dời đến đất nghiệp nối tiếp việc như cũ. Đạo tràng đó ở Nam Giao, vuông vức hai mươi bộ, vào những ngày mồng bảy tháng giêng, mồng 7 tháng 9, mồng 5 tháng 10, Đạo sĩ Đàn chủ một trăm sáu mươi người hành lễ cúng bái. Các Đạo sĩ ít có thể tinh chí, lại không có tài thuật cao.

Niên hiệu Võ Định năm thứ sáu, quan Hữu Ty bảo ngừng. Ở Hà

Nam, các ông Trương Viễn, Du Hà Gian, Triệu Tĩnh Thông, Tề Văn, Tương Vương lập riêng Quán Kinh Sư, trong đạo thuật đó mà lễ bái.

Tôi xét sự trình bày của Thiên sư Khấu Khiêm Chi về Thái Thượng Lão Quân giống như lư hải hạ của cảnh Bồng Lai, phi phù thiên thượng của Côn Luân.

Lại nói: Ba mươi sáu nước muôn dặm, là phương ba trăm sáu mươi v.v..., có khác gì ba mươi sáu phương của Trương Giác ư?

Trong truyện "Hoàng Phủ Cao" đời Hậu Hán chép rằng: Cự Lộc Trương Giác tự xưng là Đại Hiền Lang, thờ phụng Huỳnh Lão, thực hành thuật của Trương Lăng, dùng pháp bùa thủy chú để trị một trăm bệnh. Cho tám người đệ tử đi hành hóa đạo pháp khắp bốn phương, truyền nhau cuồng hoặc, trong hơn mười năm chúng đông đến mười vạn. Dân chúng ở tám châu: Thanh, Từ, U, Ký, Kinh Dương, Duyễn và Tượng đều ứng theo. Bèn lập ba mươi sáu phương. Phương còn gọi là Tướng quân. Đại phương có hơn vạn người, Tiểu phương có sáu vạn người, ngoa ngôn thương Thiên chất, Huỳnh Thiên lên ngôi, năm Giáp tý thiên hạ rất tốt. Dùng bạch thổ viết ở cửa kinh Ấp Chùa, làm chữ Giáp tý. Ngày mồng 5 tháng 3 niên hiệu Bình Nguyên trong ngoài đều khởi, Đạo sĩ mặc y phục màu vàng, đội mũ màu vàng. Hoặc giết người cúng tế trời. Lúc đó, bọn giặc mấy vạn người, ban đầu nổi loạn ở Dĩnh Xuyên làm loạn thiên hạ, truyện "Hoàng Phủ Cao" thảo luận bỏ bớt, còn lại thì cất giấu, hiện nay vẫn còn.

****

Sách nước Tề nói về chí của Đức Phật - thứ chín.

Thiều nói rằng: Đạo Thích (đạo Phật) không thể nhìn bằng ống dòm mà hiểu được. Đại khái là các ông chỉ vọng ngữ thôi. Lại dẫn "liệt ngữ khấu thư" nói về việc Thương Thái Tể hỏi Khổng Tử về bậc Thánh. Lại Huỳnh Đế nằm mộng thấy đến nước Hoa Tư Dân nước Hoa Tư Dân nơi Phật thần dạo đi mà thôi, đây là chỗ nói lờ mờ đối với Phật. Kinh Thạch Phù Diêu Thế giảng dịch rộng khắp, bởi muốn thu phục tâm người, vì thế dùng ngụ ngôn để làm phương tiện. Không biết đây vì sao mà thần kỳ lờ mờ đến thế. Kia nói thân tâm người, nhân duyên việc đời thiện ác, Từ Bi Hỷ Xả, Thường Lạc Ngã Tịnh, thủ biện chí sáng suốt như mặt trời mặt trăng, không phải là bậc Chánh giác thì ai chứng được. Phàm bọn dân đen (kẻ ngu dốt) đâu không quy mạng, người hiểu biết thì dè thân khẩu, tu định tuệ, bình đẳng giải thoát rốt ráo Bồ-đề và một số ít người không thông lý, uổng công vô ích tài lực công lợi trói buộc. Còn như sáu Kinh có chỗ lỗi lầm, chưa được thâm sâu.